

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 175/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 18 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích;
điều chỉnh thông tin khác của dự án cho phép chuyển mục đích sử dụng
đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật
Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số
148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 473/BC-KTNS ngày 16 tháng 4 năm 2023 của Ban Kinh tế
- Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục 05 dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích; điều chỉnh thông tin khác của dự án cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết: Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020; Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 01 tháng 11 năm 2021; Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022.

(có 01 Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ mười một thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH;
ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN KHÁC CỦA DỰ ÁN CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT**
(Kèm theo Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m ²)							Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m ²)						Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.		
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua cho phép CMBSD đất	Tổng DT cho phép	Trong đó					Diện tích (m ²)	Trong đó					Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
					Đất trồng lúa			Đất rừng PH			Đất trồng lúa			Đất rừng PH				
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng		Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng			
	Tổng số		129.500	15.500	34.000	-	-	80.000	261.813	31.500	35.113	-	12.600	182.600	-	-	729.551	
I	Huyện Quỳnh Nhai			7.500	7.500	-	-	-	-	17.500	17.500,0	-	-	-	-	-	-	19.553
1	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Phát, xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Cà Nàng	252 NQ-HĐND tỉnh ngày 09/12/2020	7.500	7.500					17.500	17.500					261 NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh; 1070 QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện	19.553
II	Huyện Thuận Châu			62.000	8.000	34.000	-	-	20.000	172.000	14.000	34.000	-	-	124.000	-	-	186.998
2	Đường Bon Phặng - Nậm Lầu	Xã Nậm Lầu, Bon Phặng	273 NQ-HĐND ngày 29/4/2021	22.000	2.000				20.000	52.000	2.000				50.000	261 NQ-HĐND ngày 11/3/2021	NSTW	116.156
3	Hồ Lăng Luông xã Phổng Lăng	Xã Phổng Lăng	252 NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 106/NQ-HĐND 13/7/2022	40.000	6.000	34.000				120.000	12.000	34.000			74.000	1062 QĐ-UBND ngày 31/5/2021	NST	70.842

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m ²)							Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m ²)						Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung.			
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua cho phép CMĐSD đất	Tổng DT cho phép	Trong đó						Diện tích (m ²)	Trong đó					Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
					Đất trồng lúa			Đất rừng PH				Đất trồng lúa			Đất rừng PH				
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất ruộng lúa 2 vụ		Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
III	Huyện Vân Hồ			10.000	-	-	-	-	10.000	30.313	-	1.113	-	12.000	16.600	-	-	23.000	
4	Đường giao thông liên xã từ bản Uông, xã Mường Men qua bản Đá Mài, xã Tô Múa - bản Pù Hiêng, xã Mường Tè	Xã Mường Men, Tô Múa, Mường Tè	273 NQ-HĐND ngày 29/4/2021	10.000					10.000	30.313		1.113		12.600	16.600	1687 QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện	23.000	
IV	Huyện Mai Sơn			50.000	-	-	-	-	50.000	42.000	-	-	-	-	42.000	-	-	500.000	
5	Đường giao thông từ tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn	Xã Cò Nòi; xã Hát Lót, Thị trấn Hát Lót	34/NQ-HĐND ngày 01/11/2021	50.000					50.000	42.000					42.000	271 NQ-HĐND ngày 29/4/2021; 16 NQ-HĐND ngày 10/8/2021; 126 NQ-HĐND ngày 08/11/2022 của HĐND tỉnh	NSTW, nguồn thu từ đất NST	500.000	